



fáng zi

房子

Noun · house

Example Sentences

tā yòng fáng zi dī yā dài kuǎn
他用房子抵押贷款。

He mortgaged his house for a loan.

zhè suǒ fáng zi hěn dà yě hěn piào liang
这所房子很大，也很漂亮。

This house is very big and also very beautiful.

lǎo fáng zi yǒu hòu hòu de zhuān qiáng
老房子有厚厚的砖墙。

The old house has thick brick walls.

Trace each character, then write the word on your own.

房	房	房	房	房	房	房	房	房	房	房
子	子	子	子	子	子					